

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Về việc nâng lương công chức, viên chức năm 2000

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Căn cứ Nghị định số 29/CP ngày 30-3-1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định số 25/CP ngày 23-5-1993 của Chính phủ qui định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang;
- Căn cứ Thông tư số 04/1999/TT-TCCP ngày 20-3-1999 của Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 95/1998/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 45/TCCP-BCTL ngày 11-3-1996 của Ban Tổ chức-Cán bộ Chính phủ hướng dẫn chế độ nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, viên chức khu vực hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể;
- Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Tổ chức-Cán bộ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nâng bậc lương cho 239 công chức thuộc trường Đại học Nông nghiệp I
(Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức-Cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Tài chính, Hiệu trưởng trường Đại học Nông nghiệp I và các công chức có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

KT/ BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Nơi nhận:

- Như điều 2.
- Lưu VP, TCCB.

Nguyễn Tấn Phát

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I**

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ NÂNG BẬC LƯƠNG NĂM 2000
CỦA CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC**

Tổng số cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm báo cáo: 835 người

Trong đó số cán bộ công chức được nâng bậc lương: 239 người

(Kèm theo QĐ số: 5978 /QĐ/BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2000)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ	Hệ số mức lương đang hưởng				Kết quả nâng bậc lương năm 2000					Ghi chú
		Nam	Nữ	Chuyên môn ng/vụ được đào tạo	Mã số ngạch	HS mức lương	Ngày/tháng năm được hưởng	Hệ số ch/lệch bảo lưu	Mã số ngạch	Hệ số mức lương	Ch/lệch do nâng bậc lương	Số tháng được hưởng lương mới	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x	13
1	Vũ hồng Sơn	47		Đ.H	01.002	4.47	01/12/1997			4.75	0.28	1	50400	
2	Thiều thị Sáu		47	Đ.H	01.003	3.56	01/11/1997			3.81	0.25	2	90000	
3	Trần văn Hùng	54		Đ.H	01.003	3.31	01/10/1997			3.56	0.25	3	135000	
4	Nguyễn ngọc Can	49		Đ.H	01.003	3.06	01/09/1997			3.31	0.25	4	180000	
5	Nguyễn thị Mai		56	Th.Sỹ-Ms	01.003	2.82	01/11/1997			3.06	0.24	2	86400	
6	Nguyễn thị Tuyết		56	Th.Sỹ-Ms	01.003	2.82	01/03/1997			3.06	0.24	10	432000	
7	Nguyễn ngọc ánh	60		Th.Sỹ-Ms	01.003	2.58	01/09/1997			2.82	0.24	4	172800	
8	Phạm thanh Cường	61		Th.Sỹ-Ms	01.003	2.34	01/11/1997			2.58	0.24	2	86400	
9	Nguyễn văn Hanh	40		CN-SoCấp	01.004	3.07	01/11/1998			3.20	0.13	2	46800	
10	Nguyễn thị Nhuận		60	Đ.H	01.004	1.94	31/12/1998			2.06	0.12	1	21600	
11	Nguyễn thị Báu		45	CN-SoCấp	01.007	3.01	01/09/1998			3.14	0.13	4	93600	
12	Phùng thị Mão		51	CN-SoCấp	01.007	3.01	01/12/1998			3.14	0.13	1	23400	
13	Nguyễn đức Chính	48		Đ.H	01.007	2.88	01/12/1998			3.01	0.13	1	23400	
14	Lê Văn Bằng	53		CN-SoCấp	01.007	2.88	01/09/1998			3.01	0.13	4	93600	
15	Lê chí Dân	57		CN-SoCấp	01.007	2.75	01/12/1998			2.88	0.13	1	23400	
16	Nguyễn viết Quynh	55		CN-SoCấp	01.007	2.75	01/12/1998			2.88	0.13	1	23400	
17	Nguyễn văn Thành	54		CN-SoCấp	01.007	2.75	01/12/1998			2.88	0.13	1	23400	
18	Hoàng thị Thía		51	CN-SoCấp	01.007	2.88	01/09/1998			3.01	0.13	4	93600	
19	Lê tiên Tuyền	55		CN-SoCấp	01.007	2.75	01/12/1998			2.88	0.13	1	23400	
20	Nguyễn huy Tường	53		CN-SoCấp	01.007	2.88	01/09/1998			3.01	0.13	4	93600	

A	B		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9.5	11	12=10x11x	13
21	Nguyễn chu	Duân	54		CN-SơCấp	01.007	2.62	01/06/1998			2.75	0.13	7	163800	
22	Lê Thị Bích	Liên		58	CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
23	Vũ thị	Mai		57	CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
24	Nguyễn văn	Mạnh	61		CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
25	Ng. Thị Kim	Minh		59	CN-SơCấp	01.007	2.75	01/12/1998			2.88	0.13	1	23400	
26	Phạm thị	Mừng		53	CN-SơCấp	01.007	2.75	01/09/1998			2.88	0.13	4	93600	
27	Lưu thị	Náy		56	CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
28	Hoàng tiến	Nhật	59		CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
29	Dương thị	Oanh		55	CN-SơCấp	01.007	2.75	01/10/1998			2.88	0.13	3	70200	
30	Ng. Thị kim	Oanh		58	CN-SơCấp	01.007	2.75	01/12/1998			2.88	0.13	1	23400	
31	Vũ Văn	Phê	52		CN-SơCấp	01.007	2.75	01/10/1998			2.88	0.13	3	70200	
32	Trần thị	Tạ		53	CN-SơCấp	01.007	2.75	01/09/1998			2.88	0.13	4	93600	
33	Nguyễn văn	Thách	57		CN-SơCấp	01.007	2.75	01/09/1998			2.88	0.13	4	93600	
34	Lê văn	Thành	56		CN-SơCấp	01.007	2.75	01/12/1998			2.88	0.13	1	23400	
35	Lê thị	Vân		58	CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
36	Hoàng thị	Xế		58	CN-SơCấp	01.007	2.75	01/11/1998			2.88	0.13	2	46800	
37	Hoàng văn	Báu	56		CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
38	Nguyễn thị	Bắc		53	CN-SơCấp	01.007	2.49	01/09/1998			2.62	0.13	4	93600	
39	Lê thị	Chiến		59	CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
40	Đinh thị	Chuyên		55	CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
41	Hoàng văn	Dinh	54		CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
42	Đặng văn	Đính	60		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
43	Nguyễn thị	Hà		57	CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
44	Nguyễn văn	Hiên	57		CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
45	Vũ đình	Hiên	59		CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
46	Nguyễn thị	Hợi		47	CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
47	Nguyễn thị	Liên		59	CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
48	Đào thị	Liệu		46	CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
49	Cam thị	Lượng		59	CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	

A	B		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9.5	11	12=10x11x	13
50	Nguyễn thị	My		60	CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
51	Nguyễn thị	Nhiên		55	CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
52	Lê văn	Nhường	58		CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
53	Lê văn	Ninh	59		CN-SơCấp	01.007	2.62	01/09/1998			2.75	0.13	4	93600	
54	Nguyễn ngọc	Son	57		CN-SơCấp	01.007	2.62	01/09/1998			2.75	0.13	4	93600	
55	Hoàng thị	Tâm		60	CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
56	Nguyễn thị	Thủy		60	CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
57	Nguyễn thị	Thúy B		60	CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
58	Nguyễn quốc	Trọng	56		CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
59	Hoàng thị	Tuyết		58	CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
60	Nguyễn thị	Túc		59	CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
61	Đào thị	Tươi		54	CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
62	Lương thị	Vui		57	CN-SơCấp	01.007	2.62	01/12/1998			2.75	0.13	1	23400	
63	Nguyễn Ngọc	ánh	62		CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
64	Đào văn	Dũng	64		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
65	Phan văn	Điệp	63		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
66	Lưu thị	Hải		58	CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
67	Nguyễn thanh	Hải	63		CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
68	Hoàng Ngọc	Hiếu	59		CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
69	Nguyễn quốc	Hoàng	61		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
70	Hoàng phi	Hùng	64		CN-SơCấp	01.007	2.49	01/09/1998			2.62	0.13	4	93600	
71	Đỗ thị	Hương		61	CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
72	Nguyễn văn	Khoát	63		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
73	Đào thị	Kim		61	CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
74	Nguyễn đức	Lâu	62		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
75	Nguyễn xuân	Minh	62		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
76	Nguyễn đắc	Minh	63		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
77	Nguyễn thị	Ngọt		61	CN-SơCấp	01.007	2.49	01/12/1998			2.62	0.13	1	23400	
78	Dương văn	Nhịp	52		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/09/1998			2.49	0.13	4	93600	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x	13
79	Nguyễn đức Quang	63		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
80	Dương văn Sáng	64		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
81	Nguyễn văn Thiện	63		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
82	Lê văn Tỉnh	58		CN-SơCấp	01.007	2.49	01/09/1998			2.62	0.13	4	93600	
83	Nguyễn đình Văn	58		CN-SơCấp	01.007	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
84	Ngô quốc Vương	59		CN-SơCấp	01.007	2.49	01/09/1998			2.62	0.13	4	93600	
85	Vũ thị Hiền		57	CN-SơCấp	01.007	2.24	01/10/1998			2.36	0.12	3	64800	
86	Võ thị Ngọc Bích		62	CN-SơCấp	01.007	2.12	01/12/1998			2.24	0.12	1	21600	
87	Ng. Thị Tuyết Dung		64	CN-SơCấp	01.007	2.12	01/12/1998			2.24	0.12	1	21600	
88	Bùi thị Hương		64	CN-SơCấp	01.007	2.12	01/12/1998			2.24	0.12	1	21600	
89	Lê thị Kim Phương		66	CN-SơCấp	01.007	2.12	01/12/1998			2.24	0.12	1	21600	
90	Nông thị Mai Phương		62	CN-SơCấp	01.007	2.12	01/12/1998			2.24	0.12	1	21600	
91	Lê văn Sơn	63		CN-SơCấp	01.007	2.12	01/12/1998			2.24	0.12	1	21600	
92	Hoàng thị Thịnh		58	CN-SơCấp	01.007	2.12	01/12/1998			2.24	0.12	1	21600	
93	Đặng bá Chính	66		CN-SơCấp	01.007	1.76	01/09/1998			1.88	0.12	4	86400	
94	Nguyễn thị Tròn		48	CN-SơCấp	01.007	2.62	01/10/1998			2.75	0.13	3	70200	
95	Trần thị Chi		57	CN-SơCấp	01.007	2.36	01/09/1998			2.49	0.13	4	93600	
96	Lê thị Hoàng Yến		56	CN-SơCấp	01.008	2.39	01/12/1998			2.48	0.09	1	16200	
97	Nguyễn thị Xuân		49	CN-SơCấp	01.008	2.39	01/12/1998			2.48	0.09	1	16200	
98	Tống Phương Anh		71	T.C	01.008	1.40	01/12/1998			1.49	0.09	1	16200	
99	Ngô Văn Tuấn	57		CN-SơCấp	01.010	2.91	01/11/1998			3.02	0.11	2	39600	
100	Ngô quang Lịch	53		CN-SơCấp	01.011	2.43	01/12/1998			2.52	0.09	1	16200	
101	Lê văn Bích	61		KhôngBCấp	01.011	2.25	01/12/1998			2.34	0.09	1	16200	
102	Nguyễn đình Sâm	46		KhôngBCấp	01.011	2.34	01/09/1998			2.43	0.09	4	64800	
103	Bùi văn Sáng	60		CN-SơCấp	01.011	2.25	01/12/1998			2.34	0.09	1	16200	
104	Nguyễn văn Thiệp	53		KhôngBCấp	01.011	2.25	01/12/1998			2.34	0.09	1	16200	
105	Nguyễn văn Mui	61		KhôngBCấp	01.011	2.07	01/12/1998			2.16	0.09	1	16200	
106	Nguyễn Văn Năm	62		KhôngBCấp	01.011	2.07	01/12/1998			2.16	0.09	1	16200	
107	Nguyễn bá Chung	66		KhôngBCấp	01.011	1.89	01/12/1998			1.98	0.09	1	16200	

A	B		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x	13
108	Bùi nhỏ	Doãn	64		KhôngBCấp	01.011	1.89	01/12/1998			1.98	0.09	1	16200	
109	Nhữ ngọc	Hùng	66		KhôngBCấp	01.011	1.89	01/12/1998			1.98	0.09	1	16200	
110	Nguyễn đồ	Thảo	63		KhôngBCấp	01.011	1.98	01/11/1998			2.07	0.09	2	32400	
111	Phạm Văn	Tuyến	65		KhôngBCấp	01.011	1.89	01/12/1998			1.98	0.09	1	16200	
112	Ngô hoàng	Sơn	64		KhôngBCấp	01.011	1.62	01/09/1997			1.71	0.09	4	64800	
113	Đoàn tử	Duẩn	67		KhôngBCấp	01.011	1.53	01/05/1998			1.62	0.09	8	129600	
114	Thân thị Tuyết	Chinh		49	T.C	02.015	3.07	01/11/1998			3.20	0.13	2	46800	
115	Nguyễn thị	Thủy		54	T.C	02.015	2.68	01/12/1998			2.81	0.13	1	23400	
116	Vũ khắc	Hòa	57		Th.Sỹ-Ms	06.031	2.50	01/09/1997			2.74	0.24	4	172800	
117	Ng. Thị Kim	Thông		52	T.C	06.032	2.42	01/12/1998			2.55	0.13	1	23400	
118	Tống thị	Lụa		47	CN-SơCấp	06.033	2.39	01/12/1998			2.48	0.09	1	16200	
119	Vũ thị Kim	Thanh		60	CN-SơCấp	06.033	2.21	01/12/1998			2.30	0.09	1	16200	
120	Nguyễn Mai	Thom	68		Th.Sỹ-Ms	13.092	1.86	01/10/1997			2.10	0.24	3	129600	
121	Trần quang	Dịu	42		Đ.H	13.095	2.98	01/12/1997			3.23	0.25	1	45000	
122	Nguyễn huy	Thế	48		Đ.H	13.095	2.98	01/09/1997			3.23	0.25	4	180000	
123	Nguyễn Thị	Hoa		49	Đ.H	13.095	2.74	01/09/1997			2.98	0.24	4	172800	
124	Hồ hồng	Thái	58		Đ.H	13.095	2.50	01/04/1997			2.74	0.24	9	388800	
125	Hoàng thị	Hằng		63	Đ.H	13.095	2.50	01/12/1997			2.74	0.24	1	43200	
126	Trần văn	Bình	45		T.C	13.096	2.68	01/12/1998			2.81	0.13	1	23400	
127	Phan thị Bích	Thục		48	T.C	13.096	2.68	01/12/1998			2.81	0.13	1	23400	
128	Trần Thị Lê	Thủy		61	T.C	13.096	1.94	01/12/1998			2.06	0.12	1	21600	
129	Trần hồng	Nhật	66		T.C	13.096	1.82	01/07/1998			1.94	0.12	6	129600	
130	Ngô Thị	Nguyệt		65	Đ.H	13.096	1.58	12/08/1998			1.70	0.12	5	108000	
131	Nguyễn Thị	Thúy		66	T.C	13.096	1.70	12/05/1998			1.82	0.12	8	172800	
132	Ng. Thị Thanh	Nhàn		66	Đ.H	13.096	1.58	12/12/1998			1.70	0.12	1	21600	
133	Cù xuân	Dần	38		Tiến Sỹ KH	15.109	6.26	01/12/1997			6.67	0.41	1	73800	
134	Phạm xuân	Vượng	41		Tiến Sỹ	15.109	5.23	01/08/1997			5.54	0.31	5	279000	
135	Vũ đại	Bản	41		Đ.H	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
136	Đặng vũ	Bình	45		Tiến Sỹ	15.110	4.75	01/09/1997			5.03	0.28	4	201600	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9.5	11	12=10x11x	13
137	Hồ ngọc	Châu	41	Đ.H	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
138	Bùi thế	Hùng	44	Tiến Sỹ	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
139	Hà quang	Hùng	43	Tiến Sỹ	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
140	Nguyễn duy	Hức	40	Đ.H	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
141	Phan văn	Lục	45	Tiến Sỹ	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
142	Đoàn văn	Minh	41	Đ.H	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
143	Trần văn	Nghiễn	43	Đ.H	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
144	Nguyễn đình	Nhung	44	Tiến Sỹ	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
145	Nguyễn tiến	Quý	44	Đ.H	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
146	Nguyễn khắc	Tích	43	Tiến Sỹ	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
147	Phạm tân	Tiến	43	Đ.H	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
148	Trần quang	Tô	40	Đ.H	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
149	Đỗ đức	Việt	44	Tiến Sỹ	15.110	4.75	01/12/1997			5.03	0.28	1	50400	
150	Ng. Thị Lương	Hồng		46	Tiến Sỹ	15.110	4.19	01/12/1997		4.47	0.28	1	50400	
151	Nguyễn trọng	Tuyển	43	Th.Sỹ-Ms	15.110	4.19	01/12/1997			4.47	0.28	1	50400	
152	Nguyễn thị	Bình		45	Đ.H	15.110	4.19	01/12/1997		4.47	0.28	1	50400	
153	Dương văn	Đảm	46	Đ.H	15.110	4.19	01/12/1997			4.47	0.28	1	50400	
154	Hồ hữu	An	50	Tiến Sỹ	15.110	3.91	01/04/1997			4.19	0.28	5	252000	
155	Ngô xuân	Mạnh	54	Tiến Sỹ	15.110	3.91	01/12/1997			4.19	0.28	1	50400	
156	Lê văn	Thai	51	Th.Sỹ-Ms	15.110	3.91	01/12/1997			4.19	0.28	1	50400	
157	Nguyễn huy	Trí	49	Th.Sỹ-Ms	15.110	3.91	01/09/1997			4.19	0.28	4	201600	
158	Vũ thị	Bình		51	Tiến Sỹ	15.110	3.35	01/12/1997		3.63	0.28	1	50400	
159	Hoàng thi	Chát		56	Th.Sỹ-Ms	15.110	3.35	01/12/1997		3.63	0.28	1	50400	
160	Lê thị Ngọc	Diệp		53	Tiến Sỹ	15.110	3.35	01/12/1997		3.63	0.28	1	50400	
161	Nguyễn văn	Đĩnh	53	Tiến Sỹ	15.110	3.35	01/09/1997			3.63	0.28	4	201600	
162	Bùi thị	Gia		51	Đ.H	15.110	3.35	01/09/1997		3.63	0.28	4	201600	
163	Nguyễn bá	Hiên	54	Th.Sỹ-Ms	15.110	3.35	01/12/1997			3.63	0.28	1	50400	
164	Nguyễn thị Lê	Hoa		53	Th.Sỹ-Ms	15.110	3.35	01/09/1997		3.63	0.28	4	201600	
165	Hoàng T.Thu	Hương		53	Th.Sỹ-Ms	15.110	3.35	01/09/1997		3.63	0.28	4	201600	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x	13
166	Đặng xuân Lợi	51		Đ.H	15.110	3.35	01/09/1997			3.63	0.28	4	201600	
167	Nguyễn hồng Minh	52		Tiến Sỹ	15.110	3.35	01/12/1997			3.63	0.28	1	50400	
168	Hà đức Thái	51		Tiến Sỹ	15.110	3.35	01/09/1997			3.63	0.28	4	201600	
169	Kiều thị Thư		51	Tiến sỹ	15.110	3.35	01/09/1997			3.63	0.28	4	201600	
170	Đặng đình Trình	56		Th.Sỹ-Ms	15.110	3.35	01/12/1997			3.63	0.28	1	50400	
171	Phạm thị Vân		52	Đ.H	15.110	3.35	01/09/1997			3.63	0.28	4	201600	
172	Thái anh Hùng	61		Th.sỹ	15.111	2.40	01/09/1997			2.64	0.24	4	172800	
173	Đinh huy An	47		Th.Sỹ-Ms	15.111	3.87	01/09/1997			4.12	0.25	4	180000	
174	Lê mạnh Dũng	53		Th.Sỹ-Ms	15.111	3.87	01/12/1997			4.12	0.25	1	45000	
175	Dương văn Hiếu	51		Th.Sỹ-Ms	15.111	3.87	01/11/1997			4.12	0.25	2	90000	
176	Nguyễn minh Mâu	52		Th.Sỹ-Ms	15.111	3.87	01/11/1997			4.12	0.25	2	90000	
177	Nguyễn Văn Nghĩa	50		Đ.H	15.111	3.87	01/12/1997			4.12	0.25	1	45000	
178	Nguyễn văn Nghĩa	49		Th.Sỹ-Ms	15.111	3.87	01/12/1997			4.12	0.25	1	45000	
179	Nguyễn văn Sắc	47		Đ.H	15.111	3.87	01/09/1997			4.12	0.25	4	180000	
180	Vũ thị Tám		48	Đ.H	15.111	3.87	01/11/1997			4.12	0.25	2	90000	
181	Đỗ gia Thanh	47		Đ.H	15.111	3.87	01/10/1997			4.12	0.25	3	135000	
182	Lê thị Thuấn		50	Đ.H	15.111	3.87	01/12/1997			4.12	0.25	1	45000	
183	Lê hữu ảnh	57		Tiến Sỹ	15.111	3.37	01/12/1997			3.62	0.25	1	45000	
184	Hoàng văn Bình	53		Th.Sỹ-Ms	15.111	3.37	01/09/1997			3.62	0.25	4	180000	
185	Nguyễn bá Bình	48		Th.Sỹ-Ms	15.111	3.37	01/12/1997			3.62	0.25	1	45000	
186	Ng. Thị Kim Bình		56	Th.Sỹ-Ms	15.111	3.37	01/12/1997			3.62	0.25	1	45000	
187	Nguyễn văn Định	54		Th.Sỹ-Ms	15.111	3.37	01/09/1997			3.62	0.25	4	180000	
188	Hoàng Văn Đức	52		Th.Sỹ-Ms	15.111	3.37	01/12/1997			3.62	0.25	1	45000	
189	Nguyễn thế Hùng	55		Tiến Sỹ	15.111	3.37	01/12/1997			3.62	0.25	1	45000	
190	Nguyễn mạnh Khải	54		Th.Sỹ-Ms	15.111	3.37	01/09/1997			3.62	0.25	4	180000	
191	Đỗ thị Mơ		55	Th.Sỹ-Ms	15.111	3.37	01/12/1997			3.62	0.25	1	45000	
192	Chu Tất Thắng	54		Đ.H	15.111	3.12	01/12/1997			3.37	0.25	1	45000	
193	Đặng văn Tiến	52		Th.Sỹ-Ms	15.111	3.37	01/09/1997			3.62	0.25	4	180000	
194	Lương văn Vượt	56		Tiến sỹ	15.111	3.37	01/12/1997			3.62	0.25	1	45000	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9.5	11	12=10x11x	13
195	Nguyễn tất Cảnh	58		Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/12/1997			3.12	0.24	1	43200	
196	Lương xuân Chính	53		Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/12/1997			3.12	0.24	1	43200	
197	Mai thanh Cúc	58		Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/10/1997			3.12	0.24	3	129600	
198	Nguyễn ngọc Diệp	55		Đ.H	15.111	2.88	01/12/1997			3.12	0.24	1	43200	
199	Phạm thị Hương		57	Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/12/1997			3.12	0.24	1	43200	
200	Trần Thị Lan Hương		54	Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/12/1997			3.12	0.24	1	43200	
201	Nguyễn ngọc Kính	57		Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/09/1997			3.12	0.24	4	172800	
202	Ng thị Tuyết Lan		60	Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/12/1997			3.12	0.24	1	43200	
203	Nguyễn xuân Mai	52		Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/11/1997			3.12	0.24	2	86400	
204	Trương thị My		54	Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/09/1997			3.12	0.24	4	172800	
205	Trần thị Băng Tâm		54	Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/10/1997			3.12	0.24	3	129600	
206	Nguyễn hữu Thành	55		Tiến Sỹ	15.111	2.88	01/12/1997			3.12	0.24	1	43200	
207	Trần đình Thao	58		Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/11/1997			3.12	0.24	2	86400	
208	Vũ hải Thuận	55		Đ.H	15.111	2.88	01/09/1997			3.12	0.24	4	172800	
209	Ng. Thị Ngọc Thúy		59	Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/09/1997			3.12	0.24	4	172800	
210	Trương thị Toàn		57	Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/09/1997			3.12	0.24	4	172800	
211	Vũ đình Tôn	58		Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/12/1997			3.12	0.24	1	43200	
212	Nguyễn thanh Trà	54		Tiến Sỹ	15.111	2.88	01/09/1997			3.12	0.24	4	172800	
213	Nguyễn xuân Trạch	58		Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/12/1997			3.12	0.24	1	43200	
214	Ngô thị Xuyên		55	Th.Sỹ-Ms	15.111	2.88	01/09/1997			3.12	0.24	4	172800	
215	Nguyễn quốc Chính	62		Đ.H	15.111	2.64	01/11/1997			2.88	0.24	2	86400	
216	Đặng thái Hải	60		Tiến sỹ	15.111	2.64	01/12/1997			2.88	0.24	1	43200	
217	Nguyễn Hạnh Hoa		63	Tiến Sỹ	15.111	2.64	01/09/1997			2.88	0.24	4	172800	
218	Nguyễn quang Học	61		Th.Sỹ-Ms	15.111	2.64	01/09/1997			2.88	0.24	4	172800	
219	Lê huy Thương	55		Đ.H	15.111	2.64	01/09/1997			2.88	0.24	4	172800	
220	Bùi quang Tuấn	59		Đ.H	15.111	2.64	01/09/1997			2.88	0.24	4	172800	
221	Ngô thị Thanh Tâm		66	Đ.H	15.111	2.40	01/11/1997			2.64	0.24	2	86400	
222	Nguyễn Thị Vòng		54	Tiến Sỹ	15.111	3.12	01/12/1997			3.37	0.25	1	45000	
223	Tống Ngọc Tuấn	62		Tiến Sỹ	15.111	2.16	22/08/1997			2.40	0.24	5	216000	

A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9-5	11	12=10x11x	13
224	Dương Văn Nhiệm	70		Đ.H	15.111	1.92	25/05/1997			2.16	0.24	8	345600	
225	Ng. Thị Tuyết Lê		73	Th.Sỹ-Ms	15.111	1.92	25/05/1997			2.16	0.24	8	345600	
226	Phan Thị Thu Thủy		71	Đ.H	15.111	1.92	25/05/1997			2.16	0.24	8	345600	
227	Đỗ Thị Đức Hạnh		73	Th.sỹ	15.111	1.92	25/05/1997			2.16	0.24	8	345600	
228	Nguyễn Văn Quân	72		Th.sỹ	15.111	1.92	25/05/1997			2.16	0.24	8	345600	
229	Ng. Thị Thanh Thủy		70	Đ.H	15.111	1.92	06/09/1997			2.16	0.24	4	172800	
230	Phạm Văn Cường	71		Th.Sỹ-Ms	15.111	1.92	01/08/1997			2.16	0.24	5	216000	
231	Nguyễn Mậu Dũng	73		Th.Sỹ-Ms	15.111	1.92	25/05/1997			2.16	0.24	8	345600	
232	Trần Quốc Vinh	72		Đ.H	15.111	1.92	25/05/1997			2.16	0.24	8	345600	
233	Nguyễn thị Phương		50	CN-SơCấp	15.115	2.75	01/09/1998			2.88	0.13	4	93600	
234	Lê thị Thông		63	T.C	15.115	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
235	Dương thị Tiến		63	T.C	15.115	2.36	01/12/1998			2.49	0.13	1	23400	
236	Lê Thị Nhị Hà		70	T.C	16.121	1.69	25/11/1998			1.81	0.12	2	43200	
237	Nguyễn viết Duy	54		Đ.H	17.170	2.98	01/12/1997			3.23	0.25	1	45000	
238	Nguyễn hữu Ty	50		Đ.H	17.170	2.98	01/12/1997			3.23	0.25	1	45000	
239	Lưu thị Vui		48	T.C	17.171	2.94	01/12/1998			3.07	0.13	1	23400	
	Tổng cộng									731.52	45.06		19472400	

Ngày 16 tháng 12 năm 2000
 XÉT DUYỆT CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 KÝ ĐÓNG TRƯỞNG BỘ GDĐT



THỦ TRƯỞNG
 Nguyễn Văn Phú

Ngày tháng năm 2000
 HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I



TS. Nguyễn Việt Dũng